BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Số: 3520 /ĐHCT-ĐT

V/v thu bổ sung và hoàn trả học phí chênh lệch học kỳ 1, năm học 2026-2027 đối với sinh viên khóa 52 (trúng tuyển PT5)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 05 tháng 11 năm 2026

Kính gửi:
- Lãnh đạo các đơn vị đào tạo;
- Cố vấn học tập các lớp khóa 52 (CTTT, CTCLC);
- Sinh viên khóa 52 (CTTT, CTCLC).

Căn cứ Công văn số 2276/ĐHCT-KHTC ngày 17 tháng 7 năm 2026 về mức học phí áp dụng cho năm học 2026-2027 của Giám đốc Đại học Cần Thơ; căn cứ kết quả rà soát của Phòng Kế hoạch và Tài chính về việc thu học phí học kỳ 1, năm học 2026-2027 đối với sinh viên khóa 52 trúng tuyển đại học hình thức chính quy năm 2026. Do một số sinh viên thay đổi ngành trúng tuyển theo phương thức xét tuyển 5 (tuyển sinh đại học hình thức chính quy năm 2026), dẫn đến việc thu học phí đầu khóa của một số ngành chưa thu đủ và thu đúng.

Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thông báo về việc thu bổ sung và hoàn trả học phí chênh lệch học kỳ 1, năm học 2026-2027 đối với sinh viên khóa 52 (*theo danh sách đính kèm*) như sau:

- Số tiền học phí của học kỳ 1, năm học 2026-2027, sinh viên các ngành đóng bổ sung cho ĐHCT và sinh viên các ngành được ĐHCT hoàn trả học phí chênh lệch theo danh sách đính kèm.

- Học phí thu bổ sung, hoàn trả sẽ được cộng, trừ vào học phí học kỳ 2, năm học 2026-2027.

- Thời gian và địa điểm đóng học phí: thực hiện theo thông báo trong "Kết quả đăng ký học phần" học kỳ 2, năm học 2026-2027.

Đề nghị các đơn vị đào tạo và cố vấn học tập thông báo đến sinh viên khóa 52 (CTTT, CTCLC) có tên trong danh sách đính kèm biết để thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ (để báo cáo);
- Phòng KH&TC, Phòng CTSV;
- Lưu: VT, PĐT.

Q. GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Ngọc Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN PHƯƠNG THỨC 5
TUYỂN SINH HÌNH THỨC CHÍNH QUY NĂM 2026,
ĐÓNG BỔ SUNG, ĐƯỢC HOÀN TRẢ HỌC PHÍ CHÊNH LỆCH
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027

(Đính kèm Công văn số: /ĐHCT-ĐT, ngày /11/2026 của Giám đốc Đại học Cần Thơ)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	Số tiền đã thu (VNĐ)	Số tiền phải thu (VNĐ)	Số tiền thu bổ sung (VNĐ)	Số tiền hoàn trả (VNĐ)
1	B2608371	NGUYỄN NHƯ BÌNH	01/07/2008	Nữ	Ngôn ngữ Anh (CTCLC)	10,525,000	15,118,000	4,593,000	
2	B2610506	ĐINH MINH ANH	21/12/2008	Nữ	Ngôn ngữ Anh (CTCLC)	10,525,000	15,118,000	4,593,000	
3	B2610640	NGUYỄN YẾN NHƯ	04/07/2008	Nữ	Ngôn ngữ Anh (CTCLC)	10,525,000	15,118,000	4,593,000	
4	B2601821	MAI NGỌC NGÂN	20/03/2008	Nữ	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
5	B2601839	NGUYỄN NHỰT TOÀN	23/02/2008	Nam	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
6	B2602683	VƯU HOÀN KIM	13/05/2008	Nữ	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,427,000	10,425,000		2,000
7	B2610603	VÕ NGỌC XUÂN HƯƠNG	27/10/2008	Nữ	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,525,000	10,425,000		100,000
8	B2611943	LƯU HOÀNG PHÚC	01/01/2008	Nam	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
9	B2611951	MAI MINH THƯ	09/08/2008	Nữ	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
10	B2611958	PHẠM NGUYỄN MINH TUỆ	02/02/2008	Nữ	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
11	B2612009	PHẠM ĐẶNG HIẾU PHỤNG	16/05/2008	Nữ	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
12	B2602066	NGUYỄN THÀNH PHÁT	14/11/2007	Nam	Tài chính - Ngân hàng (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
13	B2602614	DƯƠNG MINH QUÂN	21/07/2008	Nam	Công nghệ sinh học (CTTT)	10,237,000	10,425,000	188,000	
14	B2602658	BÙI TRẦN NHẬT YẾN	03/02/2008	Nữ	Công nghệ sinh học (CTTT)	10,237,000	10,425,000	188,000	
15	B2604149	PHẠM THÀNH ĐƯỢC	22/11/2007	Nam	Kỹ thuật phần mềm (CTCLC)	10,425,000	10,425,000		
16	B2604721	LÊ MINH PHÚC	15/02/2008	Nam	Kỹ thuật phần mềm (CTCLC)	11,356,000	10,425,000		931,000
17	B2600376	TRẦN HUỲNH NGỌC HÂN	20/09/2008	Nữ	CN kỹ thuật hóa học (CTCLC)	11,745,000	10,425,000		1,320,000
18	B2610965	LÊ KIẾN BÌNH	03/06/2008	Nam	CN kỹ thuật hóa học (CTCLC)	10,390,000	10,425,000	35,000	
19	B2611344	TRƯƠNG BÁCH CHÁNH	19/09/2008	Nam	CN kỹ thuật hóa học (CTCLC)	10,775,000	10,425,000		350,000
20	B2604498	VÕ XUÂN GIANG	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật cơ khí (CTCLC)	9,848,000	10,425,000	577,000	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	Số tiền đã thu (VNĐ)	Số tiền phải thu (VNĐ)	Số tiền thu bổ sung (VNĐ)	Số tiền hoàn trả (VNĐ)
21	B2609209	LÂM DUY KHƯƠNG	23/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện (CTCLC)	10,390,000	10,425,000	35,000	
22	B2600242	TIÊU ANH MINH	02/01/2008	Nam	Công nghệ thực phẩm (CTCLC)	11,745,000	10,425,000		1,320,000
23	B2602595	NGUYỄN HOÀNG MỸ NGỌC	23/12/2008	Nữ	Công nghệ thực phẩm (CTCLC)	10,237,000	10,425,000	188,000	
24	B2612687	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	01/01/2008	Nam	Công nghệ thực phẩm (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	
25	B2605597	TRẦN DUY KHÔI	15/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng (CTCLC)	11,203,000	10,425,000		778,000
26	B2603163	HUỲNH TẤN PHÁT	29/03/2008	Nam	Nuôi trồng thủy sản (CTTT)	10,425,000	10,425,000		
27	B2602874	PHẠM KHÁNH LINH	17/02/2008	Nữ	Thú y (CTCLC)	10,425,000	10,425,000		
28	B2602021	LÂM QUỐC ĐẠT	29/10/2008	Nam	Quản trị DVDL & LH (CTCLC)	10,227,000	10,425,000	198,000	

Danh sách có: 28 sinh viên.